



BÀI TẬP CUỐI TUẦN 5

I. ĐỌC THÀM VĂN BẢN SAU:

AO LÀNG

(1) Làng có nhiều cảnh đẹp, luôn được nhắc đến trong đó có cái ao làng. Nó gần gũi với tất cả mọi người: già, trẻ, lớn, bé. Nó có họ với cái đầm, hồ, kênh, lạch. Lại có ao rau muống, ao thả cá giống, ao rau cần, ao thả bèo, ao nuôi vịt, ao hoa sen, hoa súng... Nhưng được gọi là ao làng phải là những cái ao tương đối rộng, dùng cho tất cả mọi người đến tắm mát, giặt giũ, câu cá, gánh nước về nhà.

(2) Ao làng thường có một hoặc hai cái cầu ao bằng gỗ hoặc bằng tre bắc ra đến gần giữa mặt ao. Lại có những bệ đá hoặc bệ gạch xây đến sát mặt nước. Bên góc bờ ao thường có cây vối hoặc cây sung. Cây vối cho ta những lá vối. Người ta mang thứ lá đó về ủ rồi nấu thành nước vối. Đó là loại nước trà bình dân được mọi người ưa chuộng. Cây sung với thân xù xì, nghiêng cành lá, chùm quả xuống mặt ao. Thỉnh thoảng lại có những quả sung chín rơi xuống ao làm toả ra những vầng nước. Những chú cá rô xô nhau đến, tranh cướp, ria chớp những quả sung. Lúc này chẳng khác gì cái cảnh hai đội tranh cướp nhau một quả bóng trên sân bãi vậy.

Ở góc ao lại được dựng lên một giàn tre nửa để cho những cây mướp leo lên, nở những bông hoa tươi làm cho ong bướm bay đến rập rờn. Cạnh đó là giàn bầu có những quả dài ngoẵng như muốn chày xuống ao... Tất cả những cái đó làm nên một bức tranh phong cảnh nhiều màu sắc.

(3) Bờ ao cũng là nơi mọi người gặp nhau, trò chuyện, vui đùa... Một vài cô gái gánh lúa ngang qua, đặt gánh trên bờ, xuống ao dùng nón múc nước uống, soi mình xuống ao, vuốt tóc...

(4) Thỉnh thoảng, một đám cưới đi quanh bờ ao, bóng người nối theo nhau ngã xuống ao trông rất lạ và vui mắt.

(5) Các em bé rất thích ngắm cái ao làng nhưng các em được người lớn cho biết là không được đến sát gần ao, sợ bị ngã xuống, chết đuối. Chúng đành đứng xa một chút mà ngắm cái ao. Và cái ao làng đã in sâu vào đầu óc các em từ nhỏ.

Lý Khắc Cung

II. DỰA VÀO NỘI DUNG BÀI ĐỌC TRÊN, ĐÁNH DẤU VÀO Ô TRỐNG TRƯỚC CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG NHẤT HOẶC THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU DƯỚI ĐÂY.

CÂU 1. Ao như thế nào được gọi là ao làng?

- a. Dùng để thả cá, thả rau cần, thả bèo, nuôi vịt.
- b. Ao tương đối rộng, dùng cho mọi người đến tắm giặt, câu cá và gánh nước về ăn.
- c. Cả hai đáp án trên.

CÂU 2. Bên góc ao làng thường có gì ?

- a. Cầu ao, bệ đá, bệ gạch, cây vối, cây sung.
- b. Cây vối, cây sung, giàn mướp, giàn bầu.
- c. Cầu ao, bệ đá, bệ gạch.

CÂU 3. Trong bài, cái gì đã làm lan toả ra những vầng nước ?

- a. Những quả sung chín.
- b. Những cành lá, chùm quả.
- c. Những quả sung chín rơi xuống ao.

CÂU 4. Những con cá rô khi tranh nhau những quả sung dưới mặt ao được tác giả ngầm ví với gì ?

- a. Những quả bóng.
- b. Những cầu thủ đá bóng trên sân.
- c. Những kẻ cướp.

CÂU 5. Khi tả ao làng, tác giả đã miêu tả theo trình tự sau, hãy viết số của các đoạn văn ứng với mỗi phần miêu tả đó

- Miêu tả bao quát về ao làng : Đoạn.....

- Miêu tả cảnh vật xung quanh ao làng : Đoạn.....

- Nêu những sự việc thường diễn ra bên ao làng : Đoạn.....

- Hình ảnh của ao làng trong mắt các em nhỏ : Đoạn.....

CÂU 6. Tìm trong bài 2 cặp từ trái nghĩa và ghi lại theo đúng thứ tự xuất hiện trong bài.

(Mẫu: ngày-đêm)

Cặp từ trái nghĩa thứ nhất là:.....

Cặp từ trái nghĩa thứ hai là:.....

CÂU 7. Nối câu có từ in đậm ở cột A với phần giải nghĩa của từ đó ở cột B:

A
1. Sao trên trời có khi mờ khi tỏ.
2. Sao lá đơn này thành ba bản.
3. Sao tấm chè
4. Sao cậu ngồi lâu thế?

B
a. chép lại hoặc tạo ra bản khác đúng với bản chính.
b. tẩm một chất nào đó rồi sấy khô.
c. nêu thắc mắc, không biết rõ nguyên nhân.
d. các thiên thể trong vũ trụ.

Từ “sao” trong các câu trên được gọi là:.....

CÂU 8. Chọn một cặp từ đồng âm thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- a. *Cành táo đầu.....ra quả giữa mùa.....*
- b. *Họ thường đi câu cá.....vào mùa.....mát mẻ.*
- c. *Anh ấy khoác lên mình chiếc áo in lá.....Việt Nam khi thi đấu.....vua với bạn bè quốc tế.*

